

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **42/2019/DS-ST.**

Ngày: 12-11-2019

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Đàm Thanh Vũ.
2/ Ông Bùi Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quốc Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2019/QĐXXST-DS ngày 21/10/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1960 (*Có mặt*).

Địa chỉ: Số 209, khóm Vĩnh M, phường A, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Lê Thanh N, sinh năm 1980 (*Có mặt*).

Địa chỉ: Số 314, ấp Vĩnh P, xã Vĩnh Q, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Đ trình bày:*

Trước đó ông N vay bà rất nhiều khoảng tiền nhưng gần cuối năm 2018 là vào ngày 10/12/2018 âm lịch ông N chốt tất cả các khoảng nợ và ghi biên nhận thiếu bà tổng số tiền 25 triệu, có lập biên nhận, trong biên nhận không có ghi lãi suất, ông N hứa với tôi bắt đầu từ ngày 10/01/2019 âm lịch cứ 10 ngày sẽ trả 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền 25 triệu. Tuy nhiên khi đến hạn thì ông N không trả khoảng tiền nào hết mà còn thách thức kêu bà thưa, bà có đòi nhiều lần nhưng không trả.

Tại phiên tòa hôm nay bà yêu cầu ông N trả cho bà số tiền 25 triệu đồng và đối với yêu cầu tính lãi suất bà xin rút lại chỉ yêu cầu trả tiền vốn vay.

** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Thanh N trình bày:*

Ông có vay của bà Đ rất nhiều lần nhưng không nhớ ngày tháng năm nào, lần thứ nhất ông có vay của bà Đ 5.000.000 đồng không nhớ ngày tháng năm nào, bà Đ đưa tiền thì ông có đóng lãi trước cho bà Đ là 1.500.000 đồng, bà Đ đưa ông 3.500.000 đồng, sau đó ông đóng lãi suất hàng nhưng cũng không nhớ đóng bao nhiêu và bao nhiêu lần. Tiếp tục ông có vay của bà Đ 5.000.000 đồng không nhớ ngày tháng năm nào, bà Đ đưa tiền thì ông có đóng lãi trước cho bà Đ 1.500.000 đồng, bà Đ đưa ông 3.500.000 đồng, sau đó ông đóng lãi suất hàng nhưng cũng không nhớ đóng bao nhiêu và bao nhiêu lần. Sau khi đóng 02 khoảng tiền trên nhiều lần đến lúc đóng không nổi thì bà Đ có chót 02 khoảng tiền trên cả vốn và lời tới gần 16.000.000 đồng đến 17.000.000 đồng thì ông có trả được 14.000.000 đồng còn lại chỉ có 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng thôi.

Lần thứ 02 ông có tiếp tục vay của bà Đ 5.000.000 đồng không nhớ ngày tháng năm nào, bà Đ đưa tiền thì ông có đóng lãi trước 1.500.000 đồng, bà Đ đưa ông 3.500.000 đồng, sau đó ông đóng lãi suất hàng nhưng cũng không nhớ đóng bao nhiêu và bao nhiêu lần. Tiếp tục ông có vay của bà Đ 5.000.000 đồng không nhớ ngày tháng năm nào, bà Đ đưa tiền thì ông có đóng lãi trước 1.500.000 đồng, bà Đ đưa ông 3.500.000 đồng, sau đó ông đóng lãi suất hàng nhưng cũng không nhớ đóng bao nhiêu và bao nhiêu lần. Sau khi đóng 02 khoảng trên nhiều lần đến lúc đóng không nổi thì bà Đ có chót 02 khoảng trên cả vốn và lời tới gần 16.000.000 đồng đến 17.000.000 đồng thì bà Đ kêu ông trả và cho rằng bà Đ vay của người ta hốt hội bên kia để trả cho ông nên giữa ông và bà Đ thống nhất thỏa thuận như sau: ông có làm biên nhận cho bà Đ còn thiếu nợ của bà Đ là 25.000.000 đồng, ông thống nhất bắt đầu vào ngày 10/01/2019 âm lịch trả cho bà Đ cứ 10 ngày trả 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền 25.000.000 đồng, không tính lãi cho ông. Ông có đóng được mấy lần nhưng không nhớ bao nhiêu lần cụ thể và đóng số tiền được bao nhiêu. Chữ viết trong biên nhận và lẳng tay của bà Đ cung cấp là của ông. Nay bà Đ yêu cầu trả 25 triệu thì ông không có khả năng vì tôi đã đóng tiền lãi rất là nhiều lần. Tại phiên tòa ông thống nhất trả cho bà Đ 15.000.000 đồng và trả hàng tháng 400.000 đồng cho đến khi hết số tiền 15.000.000 đồng, không tính lãi suất cho ông. Tất cả các lần vay tiền trình bày nêu trên giấy tờ biên nhận lãi suất vay do bà Đ giữ ông không có giữ giấy tờ chứng cứ gì hết. Phần tiền vay ông tự chịu trách nhiệm cá nhân riêng không liên quan gì đến vợ ông, ông chỉ xài cá nhân riêng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn rút một phần đơn khởi kiện; đương sự không thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ kiện.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, bà Đ trình bày bà rút lại một phần nội dung yêu cầu tính lãi suất. Xét thấy, việc bà Đ rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự

nguyên nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu này của bà Đ.

[2] Xét hợp đồng vay tài sản: Theo đơn kiện, bà Đ trình bày trước đó ông N vay bà rất nhiều khoản tiền nhưng gần cuối năm 2018 là vào ngày 10/12/2018 âm lịch ông N chốt tất cả các khoản nợ và ghi biên nhận thiếu bà tổng số tiền 25.000.000 đồng, có lập biên nhận, trong biên nhận không có ghi lãi suất, ông N hứa với bà bắt đầu từ ngày 10/01/2019 âm lịch cứ 10 ngày sẽ trả 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền 25.000.000 đồng tuy nhiên cho đến nay ông N không trả cho bà khoản tiền nào nên bà yêu cầu ông N trả số tiền 25.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, trả 01 lần cho bà. Còn bị đơn ông N trình bày bà Đ yêu cầu trả 25.000.000 đồng thì ông không có khả năng vì ông đã đóng tiền lãi cho bà Đ rất là nhiều lần với lãi suất cao. Ông thống nhất trả cho bà Đ 15.000.000 đồng và trả hàng tháng 400.000 đồng cho đến khi hết số tiền 15.000.000 đồng, ông thừa nhận chữ ký và dấu lặn tay trong biên nhận bà Đ cung cấp là của ông việc các đương sự thừa nhận với nhau việc lập biên nhận nợ còn thiếu 25.000.000 đồng là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Còn việc ông N cho rằng ông có đóng lãi cho bà Đ nhiều với lãi suất cao tuy nhiên ông không đưa ra được giấy tờ chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Vì vậy Hội đồng xét xử xác định ông Lê Thanh N còn thiếu tiền vay của bà Trần Thị Đ số tiền 25.000.000 đồng nhưng cho đến nay ông N vẫn chưa trả cho bà Đ đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, việc bà Đ yêu cầu ông N trả số tiền vốn vay 25.000.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của ông N: Ông N yêu cầu được trả dần số tiền mỗi tháng trả 400.000 đồng cho đến khi hết số tiền còn thiếu vì gia đình quá khó khăn không có trả năng trả một lần nhưng tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Đ không đồng ý cho trả dần số tiền này cho bà Đ nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Việc thỏa thuận trả dần các bên có thể thỏa thuận trong giai đoạn thi hành án.

[4] Xét về lãi suất: Nguyên đơn bà Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông N phải chịu là 1.125.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

[1] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ về việc yêu cầu ông Lê Thanh N trả tiền lãi suất đối với số tiền vốn vay còn thiếu.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ về việc yêu cầu ông Lê Thanh N trả lại số tiền vốn vay còn thiếu.

Buộc ông Lê Thanh N trả cho bà Trần Thị Đ số tiền vốn vay 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bà Đ yêu cầu thi hành án, hàng tháng ông N còn phải trả lãi cho bà Đ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Thanh N phải chịu án phí là 1.250.000 đồng (*Một triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng*).

Bà Trần Thị Đ không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 625.000 đồng (*Sáu trăm, hai mươi lăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0007237 ngày 27/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mỹ Hạnh

